CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Số: 241/2023/BC/MGDV-VFS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

TPHCM, ngày 01 tháng 08 năm 2023

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN
THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 07/2023

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
	a.Danh mục chứng khoán ký quỹ tại Sở GDCK Hà Nội			
1	AAV			AAV
2	AMV			AMV
3	BCC			BCC
4	BNA			BNA
5	BTS			BTS
6	BVS			BVS
7	C69			C69
8	CAP			CAP
9	CEO			CEO
10	CIA			CIA
11	CSC			CSC
12	DDG			DDG
13	DHT			DHT
14	DL1			DL1
15	DNP			DNP
16	DST			DST
17	DTD			DTD
18	DVG			DVG
19	DVM			DVM
20	DXP			DXP
21	GKM			GKM
22	HDA			HDA
23	HHC			HHC
24	HJS			HJS
25	HLC			HLC
26	HLD			HLD
27	HOM			HOM
28	HUT			HUT
29	ICG			ICG
30	IDC			IDC
31	IDV			IDV
32	INN			INN
33	IPA			IPA
34	KSD			KSD
35	L14			L14
36	LAS			LAS
37	LHC			LHC
38	LIG			LIG
39	MBG			MBG
40	MBS			MBS
41	MDC			MDC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
42	NAG			NAG
43	NBC			NBC
44	NSH			NSH
45	NTP			NTP
46	PBP			PBP
47	PCH			PCH
48	PGN			PGN
49	PLC			PLC
50	PSD			PSD
51	PVC			PVC
52	PVG			PVG
53	PVI			PVI
54	PVS			PVS
55	S55			S55
56	S99			S99
57	SCG			SCG
58	SCI			SCI
59	SD9			SD9
60	SHS			SHS
61	SLS			SLS
62	SRA			SRA
63	SVN			SVN
64	TAR			TAR
65	TDN			TDN
66	TDT			TDT
67	THD			THD
68	THT			THT
69	TIG			TIG
70	TNG			TNG
71	TV4			TV4
72	TVD			TVD
73	VC3			VC3
74	VC7			VC7
75	VCS			VCS
76	VGS			VGS
77	VHE			VHE
78	VNF			VNF
79	VNR			VNR
80	AME	AME		
81	CLH	CLH		
82	EVS	EVS		
83	GLT	GLT		
84	HBS	HBS		
85	NET	NET		
86	NVB	NVB		
87	PGS	PGS		
88	PMB	PMB		
89	PPS	PPS		
90	PSI	PSI		
91	SD5	SD5		
92	SDG	SDG		
93	SHN	SHN		
94	VC1	VC1		

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
95	VCC	VCC		
96	VIT	VIT		
	b.Danh mục chứng khoán ký quỹ tại Sở GDCK TP.HCM			
1	AAA			AAA
2	AAT			AAT
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACL			ACL
6	ADS			ADS
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11	ASP			ASP
12	BAF			BAF
13	BCG			BCG
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BIC			BIC
17	BID			BID
18	BKG			BKG
19	BMC			BMC
20	BMI			BMI
21	BMP			BMP
22	BSI			BSI
23	BVH			BVH
24	BWE			BWE
25	C32			C32
26	C47			C47
27	CCL			CCL
28	CDC			CDC
29	CHP			CHP
30	CII			CII
31	CKG			CKG
32	CLL			CLL
33	CMG			CMG
34	CMX			CMX
35	CNG			CNG
36	CRC			CRC
37	CRE			CRE
38	CSM			CSM
39	CSV			CSV
40	CTD			CTD
41	CTF			CTF
42	CTG			CTG
43	CTI			CTI
44	CTR			CTR
45	CTS			CTS
46	CVT			CVT
47	D2D			D2D
48	DAG			DAG
49	DAH			DAH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
50	DBC			DBC
51	DBD			DBD
52	DBT			DBT
53	DCL			DCL
54	DCM			DCM
55	DGC			DGC
56	DGW			DGW
57	DHA			DHA
58	DHC			DHC
59	DHG			DHG
60	DHM			DHM
61	DIG			DIG
62	DMC			DMC
63	DPG			DPG
64	DPM			DPM
65	DPR			DPR
66	DQC			DQC
67	DRC			DRC
68	DRH			DRH
69	DSN			DSN
70	DVP			DVP
71	DXG			DXG
72	DXS			DXS
73	E1VFVN30			E1VFVN30
74	EIB			EIB
75	ELC			ELC
76	EVE			EVE
77	EVF			EVF
78	FCM			FCM
79	FCN			FCN
80	FIR			FIR
81	FIT			FIT
82	FMC			FMC
83	FPT			FPT
84	FRT			FRT
85	FTS			FTS
86	FUEVFVND			FUEVFVND
87	GAS			GAS
88	GDT			GDT
89	GEG			GEG
90	GEX			GEX
91	GIL			GIL
92	GMD			GMD
93	GSP			GSP
94	GVR			GVR
95	HAH			HAH
96	HAP			HAP
97	HAX			HAX
98	HCD			HCD
99	HCM			HCM
100	HDB			HDB
101	HDC			HDC
102	HDG			HDG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
103	HHP			HHP
104	HHS			HHS
105	HHV			HHV
106	HMC			HMC
107	HPG			HPG
108	HQC			HQC
109	HSL			HSL
110	HT1			HT1
111	HTN			HTN
112	HUB			HUB
113	HVH			HVH
114	HVX			HVX
115	IDI			IDI
116	IJC			IJC
117	ITC			ITC
118	ITD			ITD
119	KBC			KBC
120	KDC			KDC
121	KDH			KDH
122	KHG			KHG
123	KHP			KHP
124	KMR			KMR
125	KOS			KOS
126	KSB			KSB
127	LBM			LBM
128	LCG			LCG
129	LPB			LPB
130	LSS			LSS
131	MBB			MBB
132	MIG			MIG
133	MSB			MSB
134	MSH			MSH
135	MSN			MSN
136	MWG			MWG
137	NAF			NAF
138	NBB			NBB
139	NHA			NHA
140	NHH			NHH
141	NHT			NHT
142	NLG			NLG
143	NSC			NSC
144	NT2			NT2
145	NTL			NTL
146	OCB			OCB
147	OPC			OPC
148	ORS			ORS
149	PAN			PAN
150	PC1			PC1
151	PDR			PDR
152	PET			PET
153	PGC			PGC
154	PGV			PGV
155	PHC			PHC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
156	PHR			PHR
157	PLX			PLX
158	PNJ			PNJ
159	POW			POW
160	PTB			PTB
161	PVT			PVT
162	QCG			QCG
163	RAL			RAL
164	REE			REE
165	SAB			SAB
166	SAM			SAM
167	SAV			SAV
168	SBA			SBA
169	SBT			SBT
170	SBV			SBV
171	SCR			SCR
172	SCS			SCS
173	SFI			SFI
174	SGT			SGT
175	SHA			SHA
176	SHB			SHB
177	SHI			SHI
178	SJD			SJD
179	SJS			SJS
180	SKG			SKG
181	SMB			SMB
182	SSB			SSB
183	SSI			SSI
184	ST8			ST8
185	STB			STB
186	STG			STG
187	STK			STK
188	SZC			SZC
189	TCB			TCB
190	TCD			TCD
191	TCH			TCH
192	TCL			TCL
193	TCM			TCM
194	TCO			TCO
195	TCT			TCT
196	TDC			TDC
197	TDG			TDG
198	TDM			TDM
199	TDP			TDP
200	TEG			TEG
201	THG			THG
202	TIP			TIP
203	TLD			TLD
204	TLG			TLG
205	TLH			TLH
206	TNT			TNT
207	TPB			TPB
208	TRC			TRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
209	TTA			TTA
210	TV2			TV2
211	TVS			TVS
212	VCB			VCB
213	VCG			VCG
214	VCI			VCI
215	VGC			VGC
216	VHC			VHC
217	VHM			VHM
218	VIB			VIB
219	VIC			VIC
220	VID			VID
221	VIP			VIP
222	VIX			VIX
223	VND			VND
224	VNE			VNE
225	VNG			VNG
226	VNM			VNM
227	VNS			VNS
228	VOS			VOS
229	VPB			VPB
230	VPG			VPG
231	VPI			VPI
232	VRE			VRE
233	VSC			VSC
234	VSH			VSH
235	VTO			VTO
236	ABT	ABT		
237	ASG	ASG		
238	BTP	BTP		
239	BTT	BTT		
240	CAV	CAV		
241	CLC	CLC		
242	DAT	DAT		
243	HTI	HTI		
244	ICT	ICT		
245	ILB	ILB		
246	IMP	IMP		
247	LIX	LIX		
248	NCT	NCT		
249	NNC	NNC		
250	PAC	PAC		
251	PGD	PGD		
252	SFG	SFG		
253	SGN	SGN		
254	SHP	SHP		
255	SVC	SVC		
256	SZL	SZL		
257	TIX	TIX		
258	TMS	TMS		
259	TNH	TNH		
260	TYA	TYA		
261	VPD	VPD		

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
262	VRC	VRC		
263	YBM	YBM		

NGƯỜI LẬP	KIỂM SOÁT	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lan	Phạm Thị Ngà	Nguyễn Thị Thu Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT